

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
VITA - DOANH NGHIỆP NHƯ Ý

ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP



Tăng tính cạnh tranh trong tuyển dụng và giữ chân nhân tài



Tối ưu chi phí và linh hoạt thiết kế



Quy trình tham gia dễ dàng



ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN



Bảo vệ vẹn toàn, yên tâm làm việc và cống hiến



Xây dựng quỹ đầu tư hiệu quả



Linh hoạt điều chỉnh kế hoạch tài chính

Bên mua bảo hiểm: **GENOVA TEST**
Người được bảo hiểm: **NGUYEN VAN A**

Thời hạn đóng phí dự kiến: **20 năm**
Phương thức đóng phí: **Thẻ tín dụng/Thẻ ghi nợ**

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 61GP/KDBH, ngày 20/04/2011. Generali Việt Nam cung cấp nhiều giải pháp tài chính đa dạng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, thông qua các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ bảo vệ, tiết kiệm và đầu tư. Để tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tại Việt Nam, Generali Việt Nam đã tăng vốn điều lệ và trở thành một trong những công ty có vốn điều lệ cao nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ.

Trụ sở chính: 43 – 45 Tú Xương, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (+84) 28 6288 6888
Website: generalivn

Hotline: 1900 96 96 75
Địa chỉ email: info@generalilife.com.vn

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HÀ THÚY VÂN
Mã số Tư vấn bảo hiểm: BC003235



Generali SIS Bản số : ILC4
In ngày: 13/01/2023 11:16:25

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: Nghìn đồng

Bên mua bảo hiểm: GENOVA TEST	Tuổi:	Giới tính:	Nhóm nghề:
--------------------------------------	--------------	-------------------	-------------------

Người được bảo hiểm	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề	Tỉ lệ tăng phí (%)	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm) (*)	Phí BH hàng năm
NGUYEN VAN A	28	Nam	2	0	VITA – DOANH NGHIỆP NHƯ Ý Lựa chọn bảo vệ 100	500.000	71	8.480
				0	BH tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng	77.000	47	241
				0	BH hỗ trợ viện phí	500	30	890

Hàng năm	
Phí bảo hiểm cơ bản Năm 1	8.480
Phí bảo hiểm bổ trợ Năm 1	1.131
Phí bảo hiểm định kỳ Năm 1	9.611
Phí bảo hiểm đóng thêm Năm 1	-
Tổng phí bảo hiểm đóng tại Năm 1	9.611

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

HÀ THÚY VÂN

Mã số Tư vấn bảo hiểm: BC003235

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



230113111625235

In ngày: 13/01/2023 11.16.26

Trang số: 2 / 19

Tỷ lệ phân bổ quỹ (%)	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Quỹ Tích Lũy Năng Động	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động
Phí bảo hiểm định kỳ (gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm bổ trợ)	25	25	25	25
Phí bảo hiểm đóng thêm	-	-	-	-

Ghi chú:

- (*) Thời hạn đóng phí bằng Thời hạn bảo hiểm, tuy nhiên Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn Thời hạn đóng phí dự kiến phù hợp theo tình hình tài chính và nhu cầu bảo hiểm. Phí bảo hiểm định kỳ trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên phải được đóng đầy đủ và đúng hạn.



MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV đảm bảo	Mức tỷ suất đầu tư cao (Không đảm bảo)				Mức tỷ suất đầu tư thấp (Không đảm bảo)				Rút tiền
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Các khoản thưởng	Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Các khoản thưởng	Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)
1/29	9.611	500.000	500.000	-	-	-	500.000	-	-	-	-
2/30	19.222	500.000	500.936	-	936	-	500.813	-	813	-	-
3/31	28.833	500.000	507.527	-	7.527	4.644	507.008	-	7.008	4.125	-
4/32	38.444	500.000	515.591	-	15.591	12.707	514.293	-	14.293	11.409	-
5/33	48.055	500.000	524.709	-	24.709	24.709	522.192	-	22.192	22.192	-
6/34	57.666	500.000	535.419	976	35.419	35.419	531.122	895	31.122	31.122	-
7/35	67.277	500.000	545.881	-	45.881	45.881	539.312	-	39.312	39.312	-
8/36	76.888	500.000	557.044	-	57.044	57.044	547.630	-	47.630	47.630	-
9/37	86.499	500.000	571.175	2.225	71.175	71.175	557.970	1.903	57.970	57.970	-
10/38	96.110	500.000	588.841	4.806	88.841	88.841	571.373	4.806	71.373	71.373	-
11/39	105.721	500.000	602.931	-	102.931	102.931	580.219	-	80.219	80.219	-
12/40	115.332	500.000	621.780	3.800	121.780	121.780	592.193	3.000	92.193	92.193	-
13/41	124.943	500.000	638.140	-	138.140	138.140	601.366	-	101.366	101.366	-
14/42	134.554	500.000	655.593	-	155.593	155.593	610.635	-	110.635	110.635	-
15/43	144.165	500.000	684.808	10.592	184.808	184.808	628.993	8.996	128.993	128.993	-
16/44	153.776	500.000	705.495	-	205.495	205.495	638.687	-	138.687	138.687	-
17/45	163.387	500.000	727.588	-	227.588	227.588	648.469	-	148.469	148.469	-
18/46	172.998	500.000	759.481	8.292	259.481	259.481	663.808	5.474	163.808	163.808	-
19/47	182.609	500.000	785.315	-	285.315	285.315	673.879	-	173.879	173.879	-
20/48	192.220	500.000	822.525	9.611	322.525	322.525	693.615	9.611	193.615	193.615	-

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

HÀ THÚY VÂN

Mã số Tư vấn bảo hiểm: BC003235

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
 VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



230113111625235

In ngày: 13/01/2023 11.16.26

Trang số: 4 / 19

Ghi chú:

1. Quyền lợi TTTB&VV được chi trả nếu Sự kiện bảo hiểm xảy ra trước Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 70 Tuổi.
2. Phí bảo hiểm hàng năm được minh họa theo Thời hạn đóng phí dự kiến. Chi tiết về phí bảo hiểm được phân bổ vào Tài khoản hợp đồng được thể hiện tại trang “Minh họa chi tiết các loại phí”.
3. Các khoản thưởng ở cột (5) và cột (9) bao gồm Quyền lợi Món quà khởi đầu (nếu có), Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng (nếu có) và Quyền lợi Thưởng đặc biệt (nếu có). Giá trị Tài khoản hợp đồng ở cột (6) và cột (10) đã bao gồm các khoản thưởng này.
4. Khoản rút tiền được minh họa dựa trên Giá trị Tài khoản hợp đồng tính theo mức tỷ suất đầu tư cao. Khoản rút tiền có thể thấp hơn mức minh họa trên nếu dựa trên Giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế tại thời điểm rút tiền. Việc rút tiền sẽ được thực hiện từ Tài khoản đóng thêm (nếu có) trước; sau đó đến Tài khoản cơ bản. Khoản rút tiền được minh họa sau khi đã trừ Phí rút tiền.
5. Phí bảo hiểm hàng năm, các quyền lợi của Hợp đồng bảo hiểm, Giá trị Tài khoản hợp đồng được minh họa tại trang “Minh họa quyền lợi hợp đồng bảo hiểm” này có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả thực tế của Quỹ liên kết đơn vị. Chi tiết về Hợp đồng bảo hiểm và các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
6. Theo Thông tư 135/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này thể hiện quyền lợi đầu tư trong 20 năm. Trường hợp Bên mua bảo hiểm tiếp tục đóng phí để duy trì Hợp đồng bảo hiểm thì Giá trị Tài khoản của hợp đồng vẫn sẽ tiếp tục được duy trì và nhận toàn bộ kết quả đầu tư.

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

HÀ THÚY VÂN

Mã số Tư vấn bảo hiểm: BC003235

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



230113111625235

In ngày: 13/01/2023 11.16.26

Trang số: 5 / 19

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TÍCH LŨY CHIẾN LƯỢC

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng /Tuổi	Phí bảo hiểm được phân bổ	Mức tỷ suất đầu tư cao (6,2%/năm) (Không đảm bảo)			Mức tỷ suất đầu tư thấp (4,2%/năm) (Không đảm bảo)		
		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
1/29	431	-	-	-	-	-	-
2/30	792	231	-	231	207	-	207
3/31	2.042	1.856	-	1.856	1.782	-	1.782
4/32	2.283	3.824	-	3.824	3.655	-	3.655
5/33	2.403	6.028	-	6.028	5.711	-	5.711
6/34	2.403	8.589	-	8.589	8.061	-	8.061
7/35	2.403	11.056	-	11.056	10.252	-	10.252
8/36	2.403	13.657	-	13.657	12.505	-	12.505
9/37	2.403	16.925	-	16.925	15.323	-	15.323
10/38	2.403	19.842	1.135	20.977	17.719	1.279	18.998
11/39	2.403	22.916	1.205	24.121	20.178	1.333	21.511
12/40	2.403	27.041	1.280	28.321	23.511	1.389	24.900
13/41	2.403	30.511	1.359	31.870	26.132	1.447	27.579
14/42	2.403	34.162	1.443	35.606	28.811	1.508	30.319
15/43	2.403	39.320	2.593	41.913	32.702	2.943	35.645
16/44	2.403	43.446	2.753	46.199	35.542	3.067	38.609
17/45	2.403	47.789	2.924	50.713	38.438	3.195	41.634
18/46	2.403	54.198	3.105	57.303	42.930	3.330	46.260
19/47	2.403	59.122	3.298	62.420	45.993	3.470	49.463
20/48	2.403	64.305	5.475	69.780	49.105	6.540	55.645

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

HÀ THÚY VÂN

Mã số Tư vấn bảo hiểm: BC003235

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
 VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



230113111625235

In ngày: 13/01/2023 11.16.26

Trang số: 6 / 19

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TÍCH LŨY NĂNG ĐỘNG

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng /Tuổi	Phí bảo hiểm được phân bổ	Mức tỷ suất đầu tư cao (6,2%/năm) (Không đảm bảo)			Mức tỷ suất đầu tư thấp (4,2%/năm) (Không đảm bảo)		
		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
1/29	431	-	-	-	-	-	-
2/30	792	231	-	231	207	-	207
3/31	2.042	1.856	-	1.856	1.782	-	1.782
4/32	2.283	3.824	-	3.824	3.655	-	3.655
5/33	2.403	6.028	-	6.028	5.711	-	5.711
6/34	2.403	8.589	-	8.589	8.061	-	8.061
7/35	2.403	11.056	-	11.056	10.252	-	10.252
8/36	2.403	13.657	-	13.657	12.505	-	12.505
9/37	2.403	16.925	-	16.925	15.323	-	15.323
10/38	2.403	19.842	1.135	20.977	17.719	1.279	18.998
11/39	2.403	22.916	1.205	24.121	20.178	1.333	21.511
12/40	2.403	27.041	1.280	28.321	23.511	1.389	24.900
13/41	2.403	30.511	1.359	31.870	26.132	1.447	27.579
14/42	2.403	34.162	1.443	35.606	28.811	1.508	30.319
15/43	2.403	39.320	2.593	41.913	32.702	2.943	35.645
16/44	2.403	43.446	2.753	46.199	35.542	3.067	38.609
17/45	2.403	47.789	2.924	50.713	38.438	3.195	41.634
18/46	2.403	54.198	3.105	57.303	42.930	3.330	46.260
19/47	2.403	59.122	3.298	62.420	45.993	3.470	49.463
20/48	2.403	64.305	5.475	69.780	49.105	6.540	55.645

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

HÀ THÚY VÂN

Mã số Tư vấn bảo hiểm: BC003235

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
 VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



230113111625235

In ngày: 13/01/2023 11.16.26

Trang số: 7 / 19

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TĂNG TRƯỞNG CHIẾN LƯỢC

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng /Tuổi	Phí bảo hiểm được phân bổ	Mức tỷ suất đầu tư cao (8,9%/năm) (Không đảm bảo)			Mức tỷ suất đầu tư thấp (1,0%/năm) (Không đảm bảo)		
		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
1/29	431	-	-	-	-	-	-
2/30	792	237	-	237	200	-	200
3/31	2.042	1.908	-	1.908	1.722	-	1.722
4/32	2.283	3.971	-	3.971	3.491	-	3.491
5/33	2.403	6.327	-	6.327	5.385	-	5.385
6/34	2.403	9.120	-	9.120	7.500	-	7.500
7/35	2.403	11.884	-	11.884	9.404	-	9.404
8/36	2.403	14.866	-	14.866	11.309	-	11.309
9/37	2.403	18.662	-	18.662	13.661	-	13.661
10/38	2.403	22.175	1.268	23.443	15.565	1.124	16.688
11/39	2.403	25.963	1.381	27.344	17.464	1.135	18.599
12/40	2.403	31.066	1.504	32.569	20.050	1.146	21.196
13/41	2.403	35.563	1.638	37.200	21.946	1.158	23.104
14/42	2.403	40.408	1.783	42.191	23.830	1.169	24.999
15/43	2.403	47.206	3.285	50.491	26.639	2.212	28.851
16/44	2.403	52.971	3.577	56.549	28.501	2.234	30.735
17/45	2.403	59.185	3.896	63.081	30.344	2.256	32.601
18/46	2.403	68.194	4.243	72.437	33.365	2.279	35.644
19/47	2.403	75.617	4.620	80.237	35.175	2.302	37.476
20/48	2.403	83.618	7.865	91.483	36.957	4.205	41.162

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

HÀ THÚY VÂN

Mã số Tư vấn bảo hiểm: BC003235

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
 VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



230113111625235

In ngày: 13/01/2023 11.16.26

Trang số: 8 / 19

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TĂNG TRƯỞNG NĂNG ĐỘNG

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng /Tuổi	Phí bảo hiểm được phân bổ	Mức tỷ suất đầu tư cao (8,9%/năm) (Không đảm bảo)			Mức tỷ suất đầu tư thấp (1,0%/năm) (Không đảm bảo)		
		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
1/29	431	-	-	-	-	-	-
2/30	792	237	-	237	200	-	200
3/31	2.042	1.908	-	1.908	1.722	-	1.722
4/32	2.283	3.971	-	3.971	3.491	-	3.491
5/33	2.403	6.327	-	6.327	5.385	-	5.385
6/34	2.403	9.120	-	9.120	7.500	-	7.500
7/35	2.403	11.884	-	11.884	9.404	-	9.404
8/36	2.403	14.866	-	14.866	11.309	-	11.309
9/37	2.403	18.662	-	18.662	13.661	-	13.661
10/38	2.403	22.175	1.268	23.443	15.565	1.124	16.688
11/39	2.403	25.963	1.381	27.344	17.464	1.135	18.599
12/40	2.403	31.066	1.504	32.569	20.050	1.146	21.196
13/41	2.403	35.563	1.638	37.200	21.946	1.158	23.104
14/42	2.403	40.408	1.783	42.191	23.830	1.169	24.999
15/43	2.403	47.206	3.285	50.491	26.639	2.212	28.851
16/44	2.403	52.971	3.577	56.549	28.501	2.234	30.735
17/45	2.403	59.185	3.896	63.081	30.344	2.256	32.601
18/46	2.403	68.194	4.243	72.437	33.365	2.279	35.644
19/47	2.403	75.617	4.620	80.237	35.175	2.302	37.476
20/48	2.403	83.618	7.865	91.483	36.957	4.205	41.162

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

HÀ THÚY VÂN

Mã số Tư vấn bảo hiểm: BC003235

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
 VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



230113111625235

In ngày: 13/01/2023 11.16.26

Trang số: 9 / 19

MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu	Phí bảo hiểm được phân bổ vào			Các khoản khấu trừ			
	Cơ bản & bổ trợ	Đóng thêm	Tổng phí đóng		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tổng	Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro		
									Quyền lợi bảo hiểm chính	Quyền lợi bảo hiểm bổ trợ	Tổng
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)	(10)	(11)	(12)=(10)+(11)
1/29	9.611	-	9.611	7.887	1.724	-	1.724	492	765	754	1.519
2/30	9.611	-	9.611	6.445	3.166	-	3.166	516	774	839	1.613
3/31	9.611	-	9.611	1.442	8.169	-	8.169	540	787	851	1.638
4/32	9.611	-	9.611	481	9.130	-	9.130	564	810	862	1.672
5/33	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	588	841	876	1.717
6/34	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	612	877	891	1.768
7/35	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	636	922	905	1.827
8/36	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	660	976	920	1.896
9/37	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	684	1.044	934	1.978
10/38	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	708	1.120	956	2.076
11/39	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	720	1.206	977	2.182
12/40	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	720	1.304	998	2.303
13/41	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	720	1.417	1.020	2.436
14/42	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	720	1.538	1.063	2.601
15/43	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	720	1.669	1.106	2.775
16/44	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	720	1.813	1.150	2.963
17/45	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	720	1.966	1.193	3.159
18/46	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	720	2.128	1.237	3.364
19/47	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	720	2.303	1.300	3.603
20/48	9.611	-	9.611	-	9.611	-	9.611	720	2.488	1.364	3.851

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

HÀ THÚY VÂN

Mã số Tư vấn bảo hiểm: BC003235

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
 VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



230113111625235

In ngày: 13/01/2023 11.16.26

Trang số: 10 / 19

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BỔ TRỢ

Đơn vị: đồng

STT	Quyền lợi bảo hiểm	NGUYEN VAN A				
1	Bảo hiểm hỗ trợ viện phí					
	Hỗ trợ nằm viện	500.000/ngày				
	Hỗ trợ Chăm sóc đặc biệt, tối đa 30 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng	1.000.000/Ngày nằm viện				
	Hỗ trợ Phẫu thuật	2.500.000/Phẫu thuật				
	Hỗ trợ Chăm sóc y tế, tối đa 30 ngày mỗi Năm hợp đồng	250.000/ngày				

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

HÀ THÚY VÂN

Mã số Tư vấn bảo hiểm: BC003235

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



230113111625235

In ngày: 13/01/2023 11.16.26

Trang số: 11 / 19

**BẢNG CHI TIẾT QUYỀN LỢI
 QUYỀN LỢI BẢO HIỂM BỔ TRỢ TỬ VONG VÀ THƯƠNG TẬT DO TAI NẠN - PHIÊN BẢN MỞ RỘNG**

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN CHI TRẢ (% Số tiền bảo hiểm)
TỬ VONG (khấu trừ các quyền lợi đã chấp thuận chi trả trước đó)	
Tử vong do Tai nạn của máy bay khi đang là hành khách trên chuyến bay thường lệ (dân dụng) đó	300%
Tử vong do Tai nạn của phương tiện giao thông công cộng (khi đang là hành khách trên đó), hoặc khi đang trong thang máy, hoặc do hỏa hoạn tại các tòa nhà công cộng	200%
Tử vong do Tai nạn thuộc các trường hợp khác	100%
THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN DO TAI NẠN	
Chấn thương sọ não nghiêm trọng	100%
Thương tật dẫn đến mất khả năng lao động với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	
Mất vĩnh viễn thị lực hai mắt	
Mất vĩnh viễn thính lực hai tai	
Mất hoặc liệt vĩnh viễn hai bàn tay	
Mất hoặc liệt vĩnh viễn hai bàn chân	
Mất hoặc liệt vĩnh viễn một tay và một chân	
Mất hoặc liệt vĩnh viễn một tay và mất vĩnh viễn thị lực một mắt	
Mất hoặc liệt vĩnh viễn một chân và mất vĩnh viễn thị lực một mắt	

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN CHI TRẢ (% Số tiền bảo hiểm)
Mất vĩnh viễn thị lực một mắt	50%
Mất vĩnh viễn thính lực một tai	
Mất hoặc liệt vĩnh viễn một bàn tay hoặc một bàn chân	
Mất (cụt) đốt ở ngón tay cái	
- Một đốt	10%, tối đa 30 triệu đồng/Tai nạn
- Hai đốt trên cùng một ngón tay (trong cùng một Tai nạn)	15%
Mất (cụt) đốt ở ngón tay trỏ hoặc ngón tay giữa hoặc ngón tay áp út hoặc ngón tay út	
- Một đốt	4%, tối đa 15 triệu đồng/Tai nạn
- Hai đốt hoặc ba đốt trên cùng một ngón tay (trong cùng một Tai nạn)	8%
Mất (cụt) đốt ở ngón chân cái	
- Một đốt	2%, tối đa 15 triệu đồng/Tai nạn
- Hai đốt trên cùng một ngón chân (trong cùng một Tai nạn)	5%
Mất (cụt) đốt ở ngón chân trỏ hoặc ngón chân giữa hoặc ngón chân áp út hoặc ngón chân út	
- Một đốt	2%, tối đa 15 triệu đồng/Tai nạn
- Hai đốt trên cùng một ngón chân (trong cùng một Tai nạn)	2%
- Ba đốt trên cùng một ngón chân (trong cùng một Tai nạn)	3%

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

HÀ THÚY VÂN

Mã số Tư vấn bảo hiểm: BC003235

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
 VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



230113111625235

In ngày: 13/01/2023 11.16.26

Trang số: 12 / 19

**BẢNG CHI TIẾT QUYỀN LỢI
 QUYỀN LỢI BẢO HIỂM BỔ TRỢ TỬ VONG VÀ THƯƠNG TẬT DO TAI NẠN - PHIÊN BẢN MỞ RỘNG**

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM		SỐ TIỀN CHI TRẢ (% Số tiền bảo hiểm)
CHẤN THƯƠNG CƠ QUAN NỘI TẠNG DO TAI NẠN		
Bộ phận	Chấn thương	
Ngực	Tràn khí màng phổi	5%
	Tràn máu màng phổi	5%
Bụng	Vỡ lá lách (vết thương lách hoặc vỡ lách)	5%
	Vỡ gan (vết thương gan hoặc vỡ gan)	10%
	Thủng dạ dày hoặc ruột non/ruột già	10%
	Vỡ tụy	10%
Hệ tiết niệu	Chấn thương một/hai thận chỉ phải điều trị bảo tồn	5%
	Chấn thương một/hai thận phải phẫu thuật	10%
	Rách thành niệu quản hoặc đứt niệu quản	5%
	Rách thành bàng quan	5%
	Rách thành niệu đạo hoặc đứt niệu đạo	5%
Mô liên kết	Đứt hoàn toàn một hoặc nhiều các dây chằng đầu gối sau: - Dây chằng giữa hoặc bên - Dây chằng chéo trước hoặc sau	3%, tối đa 50 triệu đồng/Tai nạn
	BÔNG DO TAI NẠN	
	Bộ phận	Diện tích da cơ thể bị Bông
Đầu	Từ 2% đến dưới 5%	50%
	Từ 5% đến dưới 8%	75%
	Từ 8% trở lên	100%
Thân mình và tay, chân	Từ 10% đến dưới 15%	50%
	Từ 15% đến dưới 20%	75%
	Từ 20% trở lên	100%

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM		SỐ TIỀN CHI TRẢ (% Số tiền bảo hiểm)
GẤY XƯƠNG DO TAI NẠN		
Xương sọ	Vỡ một hoặc nhiều phần xương sọ (bao gồm nứt xương sọ, vỡ lún sọ, vỡ sàn sọ, chấn thương xuyên hộp sọ) trừ các xương mặt hay việc khuyết xương sọ do phẫu thuật mở hộp sọ trong chấn thương sọ não	10%
Xương mặt	Gãy xương hàm dưới hoặc xương hàm trên	5%
	Gãy một trong các xương mặt khác	2%
Xương thân mình	Gãy một hoặc nhiều thân xương đốt sống, trừ xương cùng và xương cụt	10%
	Gãy từ ba xương sườn trở lên	5%
Xương chi trên	Gãy một hoặc hai xương đòn	2%
	Gãy một hoặc hai bên xương bả vai	2%
	Gãy một hoặc nhiều xương cổ tay, xương bàn tay hoặc xương đốt ngón tay	1%
	Gãy một hoặc nhiều các xương: Xương cánh tay/Xương trụ/Xương quay	5%, tối đa 50 triệu đồng/Tai nạn
Xương chi dưới	Gãy xương chậu	10%
	Gãy xương đùi của một chân	10%
	Vỡ sụn chêm giữa hay bên khớp gối, cần phẫu thuật	2%
	Gãy một hoặc hai xương bánh chèo	2%
	Gãy một hoặc nhiều xương cổ chân, xương gót chân, xương bàn chân hoặc xương đốt ngón chân	1%
	Gãy xương mác và/hoặc xương chày của cùng một chân	5%, tối đa 50 triệu đồng/Tai nạn
VẬN CHUYỂN CẤP CỨU DO TAI NẠN		
- 2.500.000/Tai nạn		
- Tối đa 5.000.000/Năm hợp đồng		

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

HÀ THÚY VÂN

Mã số Tư vấn bảo hiểm: BC003235

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
 VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



230113111625235

In ngày: 13/01/2023 11.16.27

Trang số: 13 / 19

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

A. THÔNG TIN CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Các Quỹ liên kết đơn vị và Mục tiêu đầu tư	Công ty quản lý Quỹ	Danh mục đầu tư	Mức độ rủi ro và Lợi nhuận dự kiến
Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Công ty quản lý quỹ VinaCapital	- Trái phiếu/Công cụ lãi suất cố định (Đầu tư tối đa 95%) - Công cụ thị trường tiền tệ (Đầu tư tối thiểu 5%)	Thấp
Quỹ Tích Lũy Năng Động	Công ty quản lý quỹ Dragon Capital Việt Nam		
Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	Công ty quản lý quỹ VinaCapital	- Cổ phiếu (Đầu tư tối đa 95%) - Công cụ thị trường tiền tệ (Đầu tư tối thiểu 5%)	Cao
Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	Công ty quản lý quỹ Dragon Capital Việt Nam		

B. BẢNG TỶ SUẤT ĐẦU TƯ DỰ KIẾN

Quỹ Liên kết đơn vị	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược		Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	
	Quỹ Tích Lũy Năng Động	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược
Tỷ suất đầu tư minh họa theo loại tài sản	Thấp	Cao	Thấp	Cao
Cổ phiếu	Không áp dụng	Không áp dụng	0,9%	9,0%
Trái phiếu/ Công cụ lãi suất cố định	4,3%	6,2%	Không áp dụng	Không áp dụng
Tài sản khác	3,0%	7,0%	3,0%	7,0%
Tỷ suất đầu tư bình quân gia quyền của Quỹ	4,2%	6,2%	1,0%	8,9%

- Tỷ suất đầu tư dự kiến được dùng để minh họa các giá trị trong trang “Minh họa quyền lợi hợp đồng bảo hiểm” và các trang “Minh họa chi tiết giá trị quỹ”.
- Tỷ suất đầu tư dự kiến được giả định không thay đổi trong suốt Thời hạn hợp đồng.
- Tỷ suất đầu tư dự kiến chỉ có giá trị minh họa và KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.



THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

C. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

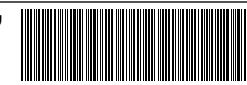
Năm	So sánh tỷ suất đầu tư thực tế của Quỹ (1) và (2) với chỉ số đầu tư được lựa chọn			So sánh tỷ suất đầu tư thực tế của Quỹ (3) và (4) với chỉ số đầu tư được lựa chọn		
	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược (1)	Quỹ Tích Lũy Năng Động (2)	Lãi suất liên ngân hàng Việt Nam (VNIBOR) 3 tháng + 3,5%	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược (3)	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động (4)	VNindex
Từ khi thành lập (*)	19,42%	18,68%	14,33%	65,19%	63,57%	52,98%
2020	7,16%	7,37%	5,78%	11,05%	14,06%	14,87%
2021	9,22%	8,36%	5,00%	52,42%	45,47%	35,73%

Ghi chú:

- (*) Từ ngày thành lập quỹ 15/08/2019 đến 31/12/2021 .
- Kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong quá khứ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong tương lai.
- Các tỷ suất đầu tư không tính đến chênh lệch giữa giá mua và giá bán hoặc các khoản phí khác có thể sẽ được tính thêm cho bên mua bảo hiểm

D. ĐỊNH GIÁ ĐƠN VỊ QUỸ

- Generali sẽ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ liên kết đơn vị vào Ngày định giá theo định kỳ 1 lần/tuần (trừ trường hợp lễ Tết hoặc do nguyên nhân bất khả kháng).
- Tài sản của Quỹ liên kết đơn vị được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là Đơn vị quỹ. Giá đơn vị quỹ là giá một Đơn vị quỹ khi Generali thực hiện mua hoặc bán các Đơn vị quỹ cho Bên mua bảo hiểm. Tuy nhiên, Giá đơn vị quỹ có thể khác nhau theo từng Quỹ liên
- Giá đơn vị quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ liên kết đơn vị. Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị **KHÔNG ĐẢM BẢO** và có thể cho kết quả âm.
- Giá trị của Quỹ liên kết đơn vị có thể thấp hơn số phí bảo hiểm đã đóng và phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị.



THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

E. BIỆN PHÁP BẢO VỆ VÀ GIA TĂNG QUYỀN LỢI CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Generali sẽ áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Bên mua bảo hiểm:

- Thay đổi tên của Quỹ liên kết đơn vị;
- Đóng Quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ liên kết đơn vị mới có cùng mục tiêu đầu tư;
- Chia tách và/hoặc sáp nhập các Đơn vị Quỹ hiện có;
- Ngừng định giá Đơn vị Quỹ và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp Sở giao dịch chứng khoán và/hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán mà Quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư vào tạm thời bị đình chỉ giao dịch;
- Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

F. QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Chỉ định tỷ lệ đầu tư vào từng Quỹ liên kết đơn vị;
- Yêu cầu thay đổi tỷ lệ đầu tư;
- Chuyển đổi giữa các Quỹ liên kết đơn vị;
- Đóng thêm Phí bảo hiểm để đầu tư bổ sung;
- Rút một phần giá trị quỹ (Rút tiền).



THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

G. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

1. Phí bảo hiểm cơ bản: là phí bảo hiểm của quyền lợi chính. Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
2. Phí bảo hiểm bổ trợ: là phí bảo hiểm của (các) Bảo hiểm bổ trợ (nếu có). Phí bảo hiểm bổ trợ được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
3. Phí bảo hiểm định kỳ: là tổng Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm bổ trợ theo định kỳ đóng phí đã chọn.
4. Phí bảo hiểm đóng thêm: là số tiền mà Bên mua bảo hiểm đóng thêm sau khi đã đóng đủ tổng Phí bảo hiểm định kỳ của Năm hợp đồng hiện tại và các Năm hợp đồng trước đó. Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ vào Tài khoản đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu. Phí bảo hiểm đóng thêm cần tuân thủ theo mức tối thiểu và tối đa do Generali quy định tại từng thời điểm.
5. Tài khoản cơ bản: là tài khoản có các Đơn vị quỹ được hình thành từ: i) Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm bổ trợ (nếu có) sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng; ii) Quyền lợi Món quà khởi đầu được chi trả (nếu có); và iii) Quyền lợi Thưởng định kỳ được chi trả (nếu có).
6. Tài khoản đóng thêm: là tài khoản có các Đơn vị quỹ được hình thành từ: i) Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng (nếu có); và (ii) Quyền lợi Thưởng đặc biệt được chi trả (nếu có).
7. Tài khoản hợp đồng: là bao gồm Tài khoản cơ bản và Tài khoản đóng thêm (nếu có).
8. Phí ban đầu: Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm bổ trợ và Phí bảo hiểm đóng thêm trước khi các khoản phí bảo hiểm này được phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. Phí ban đầu được tính theo tỷ lệ % của Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm bổ trợ và Phí bảo hiểm đóng thêm như sau:

Năm đóng phí	1	2	3	4	5+
% Phí bảo hiểm cơ bản	85%	70%	15%	5%	0%
% Phí bảo hiểm bổ trợ	60%	45%	15%	5%	0%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%				0%

9. Phí bảo hiểm rủi ro: là khoản phí để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại Hợp đồng bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Phí bảo hiểm rủi ro bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro của các Quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản này và (các) Quyền lợi bảo hiểm mở rộng (nếu có).
10. Phí quản lý hợp đồng: là khoản phí dùng để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Trong năm 2021, Phí quản lý hợp đồng là 37.000 đồng mỗi tháng và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng mỗi tháng.



THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

11. Phí quản lý Quỹ: Là khoản phí dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết đơn vị. Phí quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ % tổng tài sản của Quỹ trước khi Generali công bố Giá đơn vị Quỹ và khác nhau theo từng loại Quỹ như sau:

Quỹ liên kết đơn vị	Phí quản lý Quỹ hàng năm (% tổng tài sản Quỹ)
Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	1,5%/năm
Quỹ Tích Lũy Năng Động	1,5%/năm
Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	2,5%/năm
Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	2,5%/năm

12. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn: là khoản phí tính cho Bên mua bảo hiểm khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn được tính như sau:

a. Đối với Tài khoản cơ bản

Năm đóng phí	1 - 4	5+
Phí bảo hiểm Năm hợp đồng đầu tiên tại thời điểm phát hành Hợp đồng bảo hiểm	30%	0%

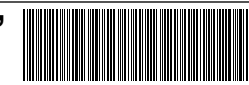
Nếu Giá trị Tài khoản cơ bản nhỏ hơn Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn, thì Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn bằng Giá trị Tài khoản cơ bản tại thời điểm Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước hạn.

b. Đối với Tài khoản đóng thêm

Năm đóng phí	1 - 4	5+
% Giá trị tài khoản đóng thêm	5%	0%

13. Phí chuyển đổi Quỹ: Trong mỗi Năm hợp đồng, Generali sẽ miễn Phí chuyển đổi Quỹ cho 05 lần chuyển đổi đầu tiên. Từ lần chuyển đổi thứ 06 trở đi, Phí chuyển đổi Quỹ là 100.000 đồng cho mỗi lần chuyển đổi và được khấu trừ từ số tiền yêu cầu chuyển đổi trước khi chuyển đi.

14. Phí rút tiền là khoản phí tính cho Bên mua bảo hiểm khi rút một phần từ Tài khoản đóng thêm trong 04 Năm đóng phí đầu tiên, Phí rút tiền bằng 05% số tiền rút cho mỗi lần rút tiền.



XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN BẢO HIỂM	XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM	
<p>Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.</p>	<ol style="list-style-type: none">1. Tôi/Chúng tôi, (những) người ký tên dưới đây, xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. Tôi/Chúng tôi đã hiểu rõ các quyền lợi (đảm bảo và không đảm bảo) và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm.2. Tôi/chúng tôi hiểu và đồng ý rằng: i) Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa; ii) Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.3. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị (không được đảm bảo), phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra thực tế từ Tài khoản hợp đồng, vì vậy giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này.4. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong vòng 04 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.5. Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng Phí bảo hiểm rủi ro của (các) Bảo hiểm bổ trợ được khấu trừ hàng tháng từ Tài khoản hợp đồng khi Tôi/Chúng tôi tham gia (các) Bảo hiểm bổ trợ.6. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc tham gia Hợp đồng bảo hiểm Liên kết đơn vị là một cam kết dài hạn. Việc tham gia hợp đồng trong khoảng thời gian ngắn và chấm dứt hợp đồng trước hạn có thể chịu một khoản phí rất cao và kết quả đầu tư có thể không được như kỳ vọng.7. Các kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị trước đây (nếu có) chỉ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong tương lai.	
<p>Họ và tên: Ngày:/...../.....</p>	<p style="text-align: center;">BÊN MUA BẢO HIỂM</p> <p>Họ và tên: Ngày:/...../.....</p>	<p style="text-align: center;">NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM (Cha/mẹ/người giám hộ hợp pháp ký thay nếu Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi)</p> <p>Họ và tên: Ngày:/...../.....</p>

